

TÒA ÁN NHÂN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2025

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Loan và ông Phạm Văn Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân khu vực 3 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H R Kbuôr, sinh năm 19xx. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Y T Niê, sinh năm 19xx. (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn E, xã Q, tỉnh Đắk Lắk. (thị trấn E, huyện C cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên bà H R Kbuôr trình bày:

Bà và ông Y T Niê quen biết tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/9/2012 (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Từ khi chung sống với nhau, anh Y T hay đánh đập vợ, thường xuyên uống rượu chè, cờ bạc; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2022, bà và ông Y T không còn chung sống với nhau nữa, ông Y T đã về nhà mẹ tại Buôn E, xã Q, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống từ đó cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, bà H R đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Y T Niê.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H R và ông Y T có ba con chung là cháu Y X Kbuôr, sinh ngày 22/02/20xx; cháu H Q Kbuôr, sinh ngày 17/12/20xx và cháu H N Kbuôr, sinh ngày 04/5/20xx. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của bà H R xin được nuôi dưỡng ba con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: bà H R không yêu cầu ông Y T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H R Kbuôr. Bà H R Kbuôr được ly hôn ông Y T Niê.

Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của bà H R Kbuôr. Giao ba con chung là cháu Y X Kbuôr, sinh ngày 22/02/20xx, cháu H Q Kbuôr, sinh ngày 17/12/20xx và cháu H N Kbuôr, sinh ngày 04/5/20xx cho bà H R Kbuôr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H R Kbuôr không yêu cầu ông Y T Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà H R Kbuôr yêu cầu được ly hôn, giải quyết nuôi con chung với ông Y T Niê. Về quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Trong quá trình tố tụng ông Y T Niê có địa chỉ cư trú tại Buôn E, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk). Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H R Kbuôr và ông Y T Niê tự nguyện chung sống, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) ngày 18/9/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà H R và ông Y T trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống.

Qua quá trình xác minh tại địa phương về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn như sau: Bà H R và ông Y T có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào thì địa phương không rõ. Hiện ông Y T đã về nhà mẹ ở Buôn E, xã Q, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống, còn chị H R sinh sống tại buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình làm việc tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Y T Niê vẫn không tham gia tố tụng, trình bày quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết con chung của bà H R, cũng không tham gia đề nghị Tòa án hoà giải hàn gắn vợ chồng.

Như vậy có đủ cơ sở xác định: Bà H R và ông Y T không chung sống với nhau nữa, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Ông Y T không có yêu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mặc cuộc sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần

chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn bà H R Kbuôr, cho bà H R Kbuôr ly hôn với ông Y T Niê.

[4]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H R Kbuôr và ông Y T Niê có ba con chung gồm: cháu Y X Kbuôr, sinh ngày 22/02/20xx, cháu H Q Kbuôr, sinh ngày 17/12/20xx và cháu H N Kbuôr, sinh ngày 04/5/20xx. Hiện ba con chung đang do bà H R Kbuôr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Y T không tham gia tổ tụng nên không thể lấy ý kiến của ông về việc nuôi con chung. Tuy nhiên, trên cơ sở nguyện vọng của bà H R và các con, cần giao ba con chung cho bà H R trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà H R Kbuôr không yêu cầu ông Y T Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà H R Kbuôr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H R Kbuôr.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H R Kbuôr được ly hôn ông Y T Niê.

Về con chung: Giao ba con chung gồm: cháu Y X Kbuôr, sinh ngày 22/02/20xx, cháu H Q Kbuôr, sinh ngày 17/12/20xx và cháu H N Kbuôr, sinh ngày 04/5/20xx cho bà H R Kbuôr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Y T Niê không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Bà H R Kbuôr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005011 ngày 09/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS khu vực 3 – Đắk Lắk ;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- UBND P. T, T. Đắk Lắk;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Trọng Phụng